TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/DS-ST
Ngày: 19/11/2019.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà **Từ Quốc Thái Bình;**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phan Vũ Anh Kiệt** và ông **Nguyễn Văn Quang;**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Thịnh** - Thư ký Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà **Trần Thị Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2019/TLST-DS ngày 22/5/2019, về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-DS, ngày 11/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2019/QĐST-DS, ngày 30/10/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Lan H**, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. *(Vắng mặt)*

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Út H**, sinh năm: 1992. *(Có mặt)*
Địa chỉ: Thôn Đá Mài 2, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu H1**, sinh năm: 1979. *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu phố 5, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Bùi Hồng T**, sinh năm 1975. *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu phố 5, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thị Lan H và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H trình bày:

Vì chỗ quen biết trong gia đình, bà Nguyễn Thị Thu H1 là em chồng của bà H nên vào ngày 06/5/2015 bà H có cho bà Nguyễn Thị Thu H1 vay 05 cây vàng thẻ lá, (tức là 05 lượng vàng SJC, dạng thẻ) để trả các khoản nợ của vợ chồng bà H1. Thời hạn vay vàng là 01 năm (ngày 06/5/2016 là trả nợ). Ngoài ra, khoảng vài tháng sau, bà H1 có vay tiền của bà H thêm nhiều lần để trả nợ, thời hạn vay là 01 tháng nhưng bà H1 không trả, nên vào ngày 22/01/2016, bà H và bà H1 tổng kết lại số tiền đã vay, thống nhất là bà H1 có vay thêm của bà H số tiền 420.000.000 đồng. Cả hai khoản vay (Vay vàng và vay tiền) bà H có nhận tiền lãi từ bà H1 trong vòng khoảng 01 năm. Nhưng do thời gian đã lâu nên bà H không xác định được tổng số tiền lãi mà bà đã nhận từ bà H1. Đến thời điểm trả nợ, bà H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà H1 trả hai khoản vay trên, nhưng vợ chồng bà H1 không trả, nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân thị xã L giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Bùi Hồng T liên đới trả cho bà số tiền 420.000.000 đồng và giá trị quy ra thành tiền đối với 05 lượng vàng SJC tính tại thời điểm xét xử vụ án, bà không yêu cầu lãi suất. Về nguồn gốc tài sản (tiền và vàng) mà bà cho bà Hường vay là tài sản riêng của bà, không phải tài sản chung của vợ chồng, trong đó vàng là tài sản riêng của bà, còn số tiền là bà vay của người khác rồi cho bà H1 vay lại.

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Út H yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Bùi Hồng T phải cùng liên đới trả cho bà Phạm Thị Lan H số tiền 420.000.000 đồng và 05 lượng vàng SJC, không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, cũng như đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bà Hường, nhưng bà không chấp hành và cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp Tòa án.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà H1 vắng mặt không có lý do, nên không hòa giải được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Hồng T:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo về việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự đối với ông Bùi Hồng T (chồng bà H1), đã tiến hành triệu tập, cũng như đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông T nhưng ông chỉ đến Toà án làm việc một lần duy nhất và trình bày rằng: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Thu H1, bà Hồng chính là chị dâu của vợ ông. Vợ chồng ông đã bán nhà để trả các khoản nợ mà vợ ông (bà H1) gây ra, bản thân ông đi làm xa (ở huyện H, tỉnh Bình Thuận) thỉnh thoảng mới về nhà, nên ông không tham gia và cũng không biết việc vợ ông vay tiền và vàng của bà H. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không đồng ý trả cho bà H số tiền 420.000.000 đồng và giá trị quy ra thành tiền của 05 lượng vàng SJC.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý

vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông Bùi Hồng T, bà Nguyễn Thị Thu H1 phải liên đới trả cho bà Phạm Thị Lan H số tiền 420.000.000 đồng và 05 lượng vàng SJC. Về án phí: Vợ chồng ông Bùi Hồng T, bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của nguyên đơn và lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Phạm Thị Lan H khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu H1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 có nơi cư trú tại Khu phố 5, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Lan H vắng mặt, nhưng có mặt người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Út H; Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Hồng T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là phù hợp quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Bùi Hồng T đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án nhưng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, không có cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để Toà án xem xét. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Bùi Hồng T không có mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Việc vắng mặt của ông Thanh, bà Hường được coi là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của mình. Hội đồng xét xử xem xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là "Giấy mượn tiền" thể hiện 02 nội dung: Thứ nhất, bà Nguyễn Thị Thu H1 có vay của bà Phạm Thị Thu H 05 cây vàng thẻ lá vào ngày 06/5/2015, thời hạn vay vàng là 01 năm (từ ngày 06/5/2015 đến ngày 06/5/2016 sẽ hoàn trả lại); Thứ hai, vào ngày 22/01/2016, bà Hường có mượn thêm của bà H số tiền 420.000.000 đồng. Theo bà H trình bày, mục đích bà H1 vay 05 cây vàng thẻ lá (tức là 05 lượng vàng SJC) và số tiền 420.000.000 đồng là để trả các

khoản nợ của vợ chồng bà H1. Giấy mượn tiền mà bà H cung cấp cho Toà án là do bà H1 tự ghi và ký tên. Bà H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T, bà H1 trả nợ nhưng ông T, bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa bà H và bà H1 thỏa thuận vay tài sản (vàng, tiền), quá trình làm việc tại Tòa án bà H yêu cầu vợ chồng bà H1 trả số tiền 420.000.000 đồng và 05 lượng vàng SJC phát sinh từ thỏa thuận vay tài sản ngày 06/5/2015 và ngày 22/01/2016, đây là giao dịch hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại các Điều 474, 477, 478 Bộ luật dân sự năm 2005, nên bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H1 trả cho bà số tiền và vàng nêu trên, là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án có thông báo về việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự đối với ông Bùi Hồng T, mặc dù ông T trình bày không tham gia và không biết việc bà H1 vay tài sản của bà H. Tuy nhiên, khoản vay này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T và bà H1, bà H1 vay tiền và vàng của bà H để trả nợ các khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng. Do đó, ông Bùi Hồng T, bà Nguyễn Thị Thu H1 cùng có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Bùi Hồng T, bà Nguyễn Thị Thu H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Lan H số tiền 420.000.000 đồng và 05 lượng vàng SJC.

Lãi suất: Bà Phạm Thị Lan H không yêu cầu lãi suất, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Giá vàng SJC (bán ra) ngày 19/11/2019 là 41.300.000 đồng/lượng, Hội đồng xét xử sẽ sử dụng làm cơ sở để tính án phí.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Hồng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Hồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Bùi Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 471; Điều 474; Điều 477; Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Lan H. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Bùi Hồng T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Lan H số tiền **420.000.000** (Bốn trăm hai mươi triệu) đồng và **05** (Năm) lượng vàng SJC.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền, vàng phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Phạm Thị Lan H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Lan H số tiền **14.000.000** (Mười bốn triệu) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0022262 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

- Bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Bùi Hồng T phải chịu **29.060.000** (Hai mươi chín triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn **15** (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn **15** (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Thuận;*
- *VKSND thị xã L;*
- *THADS thị xã L;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS - Lưu Tòa án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Từ Quốc Thái Bình